

Vĩ mô đầu tuần: GDP của Trung Quốc và số liệu thương mại Việt Nam

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Tình hình khu vực Trung Đông tiếp tục là tâm điểm trong tuần, trong đó các cuộc đàm phán ngừng bắn có vẻ đã đỡ võ và dòng chảy năng lượng vẫn chưa trở lại bình thường.
- Tại Mỹ, chỉ số PPI tháng 3 ước tính tăng 1,2% so với tháng trước, cho thấy những thách thức ở lĩnh vực năng lượng đã được vượt qua, trong khi giá trị sản xuất công nghiệp được dự báo tăng chậm lại ở mức 0,1% so với tháng trước. Các quan chức Fed nhiều khả năng sẽ điều chỉnh triển vọng sau khi lạm phát tăng lên 3,3% so với cùng kỳ. Trong khi đó, KQKD Q1 của các doanh nghiệp cũng sẽ được theo dõi chặt chẽ.
- Tại châu Á, GDP Q1 của Trung Quốc được dự báo sẽ tăng tốc lên 5% so với cùng kỳ (từ 4,5% trong Q4/2025), trong đó thặng dư thương mại tăng lên 112 tỷ USD. Các chỉ số hoạt động kinh tế của Trung Quốc nhiều khả năng sẽ suy yếu trong khi tỷ lệ thất nghiệp ước tính sẽ giảm xuống 5,2%.

Các số liệu kinh tế quan trọng trên toàn cầu

Những diễn biến liên quan đến cuộc xung đột tại khu vực Trung Đông tiếp tục là động lực chính cho thị trường trong tuần tới. Trong đó, các cuộc đàm phán ngừng bắn rõ ràng đã đỡ võ và dòng chảy năng lượng vẫn chưa trở lại bình thường. Số liệu kinh tế được công bố trong tuần bao gồm: Chỉ số PPI của Mỹ và lịch công bố số liệu kinh tế dày đặc của Trung Quốc. Ngoài ra, thị trường sẽ theo dõi KQKD Q1 của các doanh nghiệp Mỹ cùng các tín hiệu chính sách toàn cầu từ các cuộc họp của IMF và World Bank.

Mỹ

Thị trường sẽ theo dõi chặt chẽ diễn biến căng thẳng giữa Mỹ và Iran cũng như thời điểm bắt đầu mùa BCTC Q1, trong khi chỉ số PPI tháng 3 ước tính tăng 1,2% so với tháng trước, so với tăng 0,7% trong tháng trước, cho thấy những thách thức về giá năng lượng trong giai đoạn đầu đã được vượt qua. Giá trị sản xuất công nghiệp được dự báo sẽ tăng chậm lại ở mức 0,1% so với tháng trước (sau khi tăng 0,2% so với tháng trước trong tháng 2), trong khi các quan chức Fed nhiều khả năng sẽ điều chỉnh triển vọng chính sách sau khi lạm phát tăng lên mức cao nhất trong 2 năm (tăng 3,3% so với cùng kỳ trong tháng 3).

Khu vực Eurozone

Tuần này, khu vực Eurozone sẽ không công bố nhiều số liệu kinh tế, thị trường sẽ tập trung vào rủi ro năng lượng và địa chính trị, trong đó số liệu lạm phát chính thức tháng 3 sẽ đánh giá tác động của giá năng lượng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 13/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU, châu Á và Việt Nam

		Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
10-4-26	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T3-26, y/y %)		1.3	1.0	1.2
	Trung Quốc: PPI (T3-26, y/y %)		-0.9	0.5	0.4
	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát (T3-26, y/y %)		2.4	3.3	3.3
14-4-26	Trung Quốc: Cán cân thương mại (T3-26, USD)		213.6 tỷ		112 tỷ
	Trung Quốc: KNXK (T3-26, y/y %)		21.8		8.3
	Trung Quốc: KNNK (T3-26, y/y %)		19.8		11.1
	Mỹ: PPI (T3-26, m/m %)		0.7		1.2
16-4-26	Trung Quốc: Tăng trưởng GDP (Q1/26, y/y %)		4.5		5.0
	TQ: Giá trị sản xuất công nghiệp (T3-26, y/y %)		6.3		5.9
	Trung Quốc: Doanh số bán lẻ (T3-26, y/y %)		2.8		2.4
	Trung Quốc: Tỷ lệ thất nghiệp (T3-26, %)		5.3		5.2
	EU: Tỷ lệ lạm phát (T3-26, y/y %, chính thức)		1.9		2.5
	EU: Lạm phát cơ bản (T3-26, y/y %, chính thức)		2.4		2.3
	Mỹ: Giá trị sản xuất công nghiệp (T3-26, m/m %)		0.2		0.1
17-4-26	Việt Nam: KNXK (Nửa đầu T4-26, y/y %)		12.4		
	Việt Nam: KNNK (Nửa đầu T4-26, y/y %)		17.8		

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Trung Quốc và châu Á

Tại châu Á, thị trường sẽ tập trung vào GDP Q1 của Trung Quốc, ước tính sẽ tăng tốc lên 5% so với cùng kỳ, sau khi tăng 4,5% so với cùng kỳ trong Q4/2025. Thặng dư thương mại ước tính mở rộng lên 112 tỷ USD trong tháng 3 so với 101,9 tỷ USD cùng kỳ, trong bối cảnh KNXK và KNNK có thể giảm tốc xuống lần lượt 8,3% và 11,1% so với cùng kỳ, trong khi giá trị sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ có thể giảm nhẹ. Tỷ lệ thất nghiệp được dự báo sẽ giảm xuống 5,2% từ 5,3%.

Việt Nam

Hoạt động thương mại 2 tuần đầu tháng 4

Trong tháng 3, KNXK và KNNK tăng lần lượt 20,1% và 27,8% so với cùng kỳ, vượt [dự báo của chúng tôi](#). Trong đó, KNXK và KNNK tăng lần lượt 12,4% và 17,8% so với cùng kỳ trong nửa đầu tháng 3 so với giảm lần lượt 39,7% và 16,5% so với cùng kỳ trong nửa cuối tháng 2 (Biểu đồ 2), do hoạt động thương mại phục hồi sau kỳ nghỉ Tết.

Biểu đồ 2: Hoạt động thương mại hàng hóa của Việt Nam

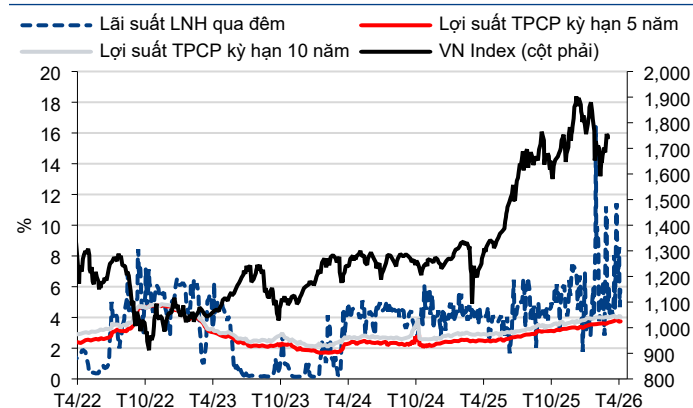
KNXK và KNNK tăng lần lượt 12,4% và 17,8% so với cùng kỳ trong nửa đầu tháng 3/2026



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 3: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

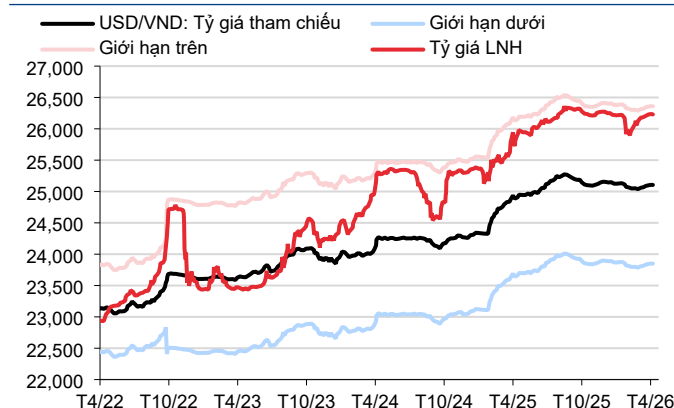
Chỉ số VN Index tăng 3,9% so với tuần trước lên 1.750 điểm



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 4: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) giảm 0,027% xuống 26.230



Nguồn: CEIC, HSC

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 3 và 4. Tuần trước, chỉ số VNIndex tăng 3,9% lên 1.750 điểm, tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp, trong khi tỷ giá USD/VND giảm 0,027% xuống 26.230, kết thúc 8 tuần mất giá liên tiếp.

Bảng 5: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	0.34	5.96	6.41	6.38	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	145	149	154
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	4.3	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.6	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	15.0	15.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,586	26,770
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	13.5	13.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	4.2	4.3
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.4	4.5
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	1.4	25.8	30.5	32.8	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn